**Ngày soạn:16/9/2024 Tiết PPC:5**

**BÀI 3. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU VỀ CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA**

**TOÀN CẦU HOÁ VÀ KHU VỰC HÓA KINH TẾ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Sưu tầm và hệ thống hoá được các tư liệu, số liệu về toàn cầu hoá, khu vực hoá.

- Trao đổi, thảo luận được về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.

- Viết báo cáo về những cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.

**2. Năng lực:**

**- Năng lực chung:**

**+** Giao tiếp và hợp tác: Có kĩ năng giao tiếp làm việc nhóm hiệu quả.

+ Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện ra vấn đề, đề xuất biện pháp giải quyết phù hợp với vấn đề.

**- Năng lực đặc thù:**

+ Năng lực nhận thức khoa học địa lí:

+ Năng lực tìm hiểu địa lí:

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí đã học:

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ, trung thực trong học tập.

*-* Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập.

- Yêu nước: Bồi dưỡng lòng yêu nước để trở thành một công dân tốt, có tinh thần phát triển đất nước trong tương lai.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, nguồn tư liệu tham khảo trên các sách báo, tài liệu, các trang wed có độ tin cậy cao của các tổ chức, cơ quan trên thế giới và Việt Nam.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Hoạt động học tập:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)**

**a) Mục tiêu:** HS xác định được yêu cầu, nhiệm vụ của bài thực hành thông qua đoạn video trình chiếu.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, nội dung đoạn video liệt kê những cơ hội và thách thức của Việt Nam trong quá trình hội nhập. GV dẫn dắt vào bài báo cáo.

**c) Sản phẩm:** HS nêu đúng thời cơ và thách thức của Việt Nam trong quá trình hội nhập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV quan sát đoạn video, xác định rõ yêu cầu cần thực hiện.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Viết báo cáo những cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá và khu vực hóa đối với các nước đang phát triển.**

**a) Mục tiêu:**

- Sưu tầm và hệ thống hoá được các tư liệu, số liệu về toàn cầu hoá, khu vực hoá.

- Trao đổi, thảo luận được về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.

- Viết báo cáo về những cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.

**b) Nội dung:** HS quan sát hướng dẫn của giáo viên, để tìm hiểu nội dung kiến thức và viết báo cáo theo yêu cầu của gv.

**c) Sản phẩm:**

|  |
| --- |
| **1. Thu thập thông tin**  - Thông tin SGK.  - Thông tin từ các trang wed tin cậy, sách báo, tài liệu liên quan  **2. Đề xuất tên báo cáo**  **3. Viết dàn ý đại cương và chi tiết cho báo cáo**  **\* Cơ hội của toàn cầu hóa với các nước đang phát triển:**  - Tăng cường chuyên môn hoá và hợp tác hoá trong sản xuất, thúc đẩy phần công lao động, qua đó, lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ.  - Tự do hoá thương mại mở rộng, hàng rào thuế quan giữa các nước bị bãi bỏ hoặc giảm xuống, hàng hoá có điều kiện lưu thông rộng rãi.  - Tạo ra sự dịch chuyển các yếu tố sản xuất như lao động, vốn, công nghệ và tri thức. Hình thành và phát triển các mạng lưới, chuỗi liên kết toàn cầu nhằm tận dụng tối đa lợi thế của các nước, các khu vực.  - Có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại các nước theo hướng phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ có hàm lượng công nghệ và tri thức cao, hướng tới phát triển xanh và bền vững  - Thúc đẩy các nước cải cách kinh tế, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thể chế phát triển kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh,...  - Toàn cầu hoá tạo cơ hội để các nước thực hiện chủ trương đa phương hóa quan hệ quốc tế, chủ động khai thác các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của các nước khác.  - Trong bối cảnh toàn cầu hoá, các quốc gia trên thế giới có thể nhanh chóng đón đầu được công nghệ hiện đại, áp dụng ngay vào quá trình phát triển kinh tế – xã hội. **\* Thách thức của toàn cầu hóa với các nước đang phát triển:** - Gia tăng sự phân hoá trình độ phát triển kinh tế và khoảng cách giàu nghèo trong từng nước và giữa các nước.  - Gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế giữa các nước. Bất kì biến động lớn nào về kinh tế trên thế giới cũng ảnh hưởng tới kinh tế của một quốc gia. Sự phát triển mạnh mẽ của các ngành kinh tế cũng là một nguyên nhân gây ra các vấn đề môi trường như phát thải khí nhà kính, ô nhiễm không khí, phá huỷ các hệ sinh thái và đa dạng sinh học tại các nước. Việc phân phối và tiêu dùng hàng hoá cũng đang tạo ra một vấn đề lớn về rác thải, đặc biệt rác thải nhựa  - Bị áp lực lớn trong cạnh tranh về giá cả và chất lượng sản phẩm hàng hoá.  - Khoa học và công nghệ đã có tác động sâu sắc đến mọi mặt của đời sống kinh tế thế giới. Muốn có sức cạnh tranh kinh tế mạnh, phải làm chủ được các ngành kinh tế mũi nhọn như điện tử - tin học, năng lượng nguyên tử, hoa dầu, công nghệ hàng không vũ trụ, công nghệ sinh học  - Các siêu cường kinh tế tìm cách áp đặt lối sống và nền văn hóa của mình đối với các nước khác. Các giá trị đạo đức của nhận loại được xây dựng hàng chục thế kỉ nay đang có nguy cơ bị xói mòn.  **\* Cơ hội của khu vực hóa với các nước đang phát triển:**  - Tạo lập một thị trường sản xuất và tiêu dùng rộng lớn, thúc đẩy đầu tư và thương mại nội khối cũng như tăng cường hợp tác, nâng cao trình độ khoa học – công nghệ trong khu vực.  - Thúc đẩy quá trình mở cửa thị trường ở các quốc gia, tạo cơ hội việc làm, thu hút các nhà đầu tư.  - Khu vực hóa kinh tế giúp các nước trong khu vực có thể dễ dàng liên kết với nhau và rút ngắn khoảng cách đạt được mục tiêu phát triển kinh tế.  - Giúp các nước giải quyết các vấn đề chung của khu vực và nâng cao vị thế khu vực so với các khu vực khác trên thế giới.  - Làm tăng sức cạnh tranh của khu vực và khai thác được các lợi thế của các thành viên trong khu vực. - Khu vực hoá kinh tế bổ sung cho toàn cầu hoá kinh tế và từng bước làm cho nền kinh tế thế giới trở thành một thể thống nhất.**\* Thách thức của khu vực hóa với các nước đang phát triển:** - Hình thành các rào cản thương mại (thuế, tiêu chuẩn chất lượng....) đối với những nước bên ngoài khu vực.  - Xu hướng khu vực hóa đặt ra các vấn đề đòi hỏi các quốc gia phải quan tâm, giải quyết như: tự chủ về kinh tế, quyền lực quốc gia…  **4. Viết báo cáo và lựa chọn cách trình bày**  **5. Tổ chức báo cáo kết quả** |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với việc sưu tầm và hệ thống thống hóa các tư liệu, số liệu về toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế, tiến hành hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

Viết báo cáo: Tìm hiểu về cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa và khu vực hóa đối với các nước đang phát triển. Ở mỗi vấn đề cho ví dụ minh họa.

+ **Nhóm 1,3: *Viết báo cáo về cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa với các nước đang phát triển.***

+ **Nhóm 2,4:** ***Viết báo cáo về cơ hội và thách thức của khu vực hóa với các nước đang phát triển.***

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian quy định

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động theo tiêu chí:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Tốt** | **Khá** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| 1. Sưu tầm và hệ thống hóa các thông tin | Sưu tầm và hệ thống hóa tốt các thông tin. | Sưu tầm và hệ thống hóa khá tốt các thông tin. | Sưu tầm và hệ thống hóa được 1 số thông tin. | Sưu tầm và hệ thống hóa các thông tin chưa tốt. |
| 2. Tên báo cáo | Ngắn gọn, xúc tích, hay, nêu bật được nội dung báo cáo. | Ngắn gọn, xúc tích, nêu bật được nội dung báo cáo. | Ngắn gọn, nêu bật được nội dung báo cáo. | Ngắn gọn. Chưa nêu bật được nội dung báo cáo. |
| 3. Nội dung báo cáo | Rõ ràng, đầy đủ, đúng yêu cầu, có phong phú ví dụ minh họa. | Khá rõ ràng, đầy đủ, đúng yêu cầu, có 1 số ví dụ minh họa. | Rõ ràng, nhưng chưa đầy đủ, đúng yêu cầu, có rất ít ví dụ minh họa. | Chưa rõ ràng, chưa đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng không có ví dụ minh họa. |
| 4. Hình thức báo cáo. | Sáng tạo, thẩm mỹ, cấu trúc đẹp, đầu tư kĩ lưỡng. | Khá sáng tạo, thẩm mỹ, cấu trúc khá đẹp, có sự đầu tư . | Có sáng tạo, thẩm mỹ, cấu trúc tương đối hài hòa, có sự đầu tư. | Chưa sáng tạo, thiếu thẩm mỹ, cấu trúc sơ sài, thiếu đầu tư. |
| 5. Cách trình bày báo cáo | Giọng nói lưu loát, thuyết trình mạch lạc, thu hút sự tham gia của người nghe. Trình bày đúng thời gian quy định. | Giọng nói khá lưu loát, thuyết trình khá mạch lạc, thu hút sự tham gia của người nghe. Trình bày đúng thời gian quy định. | Giọng nói tương đối tốt, thuyết trình được, chưa thu hút sự tham gia của người nghe. Trình bày đúng thời gian quy định. | Giọng nói chưa tốt, thuyết trình chưa tự tin, chưa thu hút sự tham gia của người nghe. Trình bày không đúng thời gian quy định. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HS

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

Câu hỏi 1 : Quá trình toàn cầu hóa đã tạo ra thời cơ gì đối với các nước đang phát triển?

A. Đón đầu công nghệ hiện đại.

B. Thúc đẩy mở cửa thị trường.

C. Tạo thành một khối thống nhất.

D. Nâng cao vị thế trong khu vực.

Câu hỏi 2: Một trong những thách thức trong quá trình toàn cầu hóa ở các nước đang phát triển là

A. Hình thành các rào cản thương mại.

B. Mất quyền tự chủ ở các quốc gia.

C. gia tăng khoảng cách giàu nghèo.

D. Quyền lực quốc gia bị suy giảm.

Câu hỏi 3: Khu vực hóa kinh tế đã tạo ra thời cơ gì đối với các nước đang phát triển?

A. Nâng cao vị thế của các quốc gia.

B. Góp phần chuyển dịch kinh tế.

C. Đa phương hóa trong quan hệ quốc tế.

D. Đón đầu công nghệ hiện đại.

Câu hỏi 4: Một trong những thách thức của khu vực hóa kinh tế ở các nước đang phát triển là

A. gia tăng khoảng cách giàu nghèo.

B. sức ép về cạnh tranh ngày càng lớn.

C. các giá trị đạo đức dần bị xói mòn.

D. quyền lực quốc gia bị suy giảm.

Câu hỏi 5: Toàn cầu hóa và khu vực hóa là xu hướng tất yếu, dẫn đến

A. sự liên kết giữa các nước phát triển với nhau.

B. sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế.

C. các nước đang phát triển gặp nhiều khó khăn.

D. ít phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế.

Câu hỏi 6: Một trong những thời cơ của Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay là

A. dễ dàng hợp tác với tất cả các quốc gia.

B. tiếp thu tất cả văn hóa trên thế giới.

C. thuận lợi phát triển nền kinh tế tri thức.

D. thu hút được vốn đầu tư nước ngoài.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức đã học để giải thích được những thuận lợi và khó khăn của Việt Nam khi mở cửa hội nhập.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

HS hoàn thành câu hỏi: *Việt Nam có những thuận lợi và khó khăn gì khi mở cửa hội nhập?*

\* Gợi ý trả lời:

- Thuận lợi:

+ Vị trí thuận lợi để giao lưu kinh tế, văn hóa với các nước.

+ Điều kiện tự nhiên thuận lợi, tài nguyên phong phú.

+ Có lực lượng lao động dồi dào, chất lượng lao động ngày càng tăng.

+ Đã bình thường hóa quan hệ ngoại giao với các nước.

- Khó khăn:

+ Xuất phát điểm thấp: Thiếu vốn, cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật, lại chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh.

+ Thu nhập bình quân đầu người thấp.

+ Sức ép về dân số.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**4. Củng cố, dặn dò:**

GV củng cố bài học bằng cách nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài thông qua các báo cáo.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Hoàn thiện bài báo cáo vào vở thực hành.

- Chuẩn bị trước bài mới.

**Ngày soạn:16/9/2024 Tiết PPC:6,7**

BÀI 4. MỘT SỐ TỔ CHỨC QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC,

AN NINH TOÀN CẦU.

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực hình thành

- Năng lực chung: năng lực sử dụng ngôn ngữ , năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt: xử lí thông tin qua bảng biểu, đọc bản đồ - tranh ảnh, tổng hơp tư duy theo lãnh thổ, liên hệ thực tế.

**2. Phẩm chất.**

- Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu các nội dung kiến thức liên quan bài học.

- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập vận dụng.

# II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

## 1. Giáo viên

- Bản đồ thế giới.

- Phiếu học tập, bảng biểu, sơ đồ.

- Vi deo, tranh ảnh.

## 2. Học sinh

- Sưu tầm tư liệu và hình ảnh về hoạt động của nước ta khi tham gia các tổ chức liên kết

về kinh tế.

- Giấy A4 + A3, bút màu.

- Đọc trước bài học ở nhà.

- Bút màu, giấy note

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

### Tình huống xuất phát.

## 1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nét khái quát về toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế.

## 2. Nội dung

## - Kĩ thuật: trò chơi

## - Hình thức: nhóm - cá nhân.

## 3. Sản phẩm.

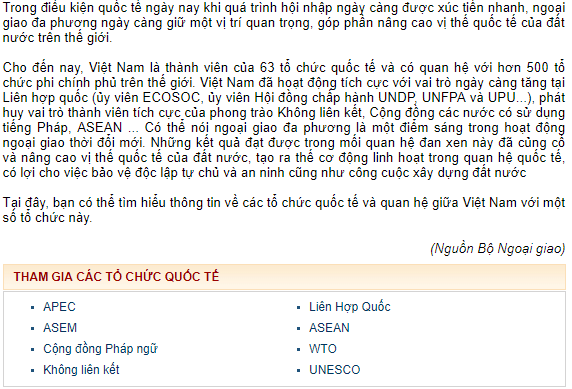
4. Tổ chức thực hiện

**- Bước 1:** GV yêu cầu HS, **kể tên** một số tổ chức liên kết trên thế giới mà Việt Nam tham gia.

**- Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân trong vòng 3 phút.

**- Bước 3:** Gv gọi ngẫu nhiên một HS ở một nhóm bất kì trả lời, mỗi lần chỉ được nêu tên một tổ chức, bổ sung theo vòng tròn, không lặp đáp án, nhóm có nhiều đáp án nhất có thưởng.

**- Bước 4:** GV dẫn dắt để HS có thể phát biểu được một số tổ chức Quốc tế và khu vực

**- Bước 5:** GV chuẩn kiến thức và vào bài.

### B. Hình thành kiến thức mới

# HOẠT ĐỘNG 1: MỘT SỐ TỔ CHỨC QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC. (20 phút)

## *(Đọc thêm: https://tinyurl.com/y6eptked)*

## 1. Mục tiêu

- Kiến thức:

+ Trình bày được quá trình hình thành và mục tiêu của một số tổ chức quốc tế và khu vực.

+ Phân tích (đánh giá, nhận xét) những ảnh hưởng đến nền kinh tế nước ta. *(thông qua Việt Nam gia nhập WTO, là thành viên của APEC, các dòng đầu tư vào Việt Nam ngày càng tăng, sự hỗ trợ của các tổ chức ngân hàng trên thế giới…).*

- Kĩ năng: Làm việc nhóm, giải quyết vấn đề.

## 2. Phương pháp/kĩ thuật dạy học

- Kỹ thuật: Đọc tích cực, khăn trải bàn.

- Hình thức: Hoạt động cặp đôi.

## 3. Phương tiện: tranh ảnh, tư liệu, clip một số tổ chức Quốc tế và khu vực trên thế giới.

## 4. Tiến trình hoạt động

**- Bước 1:** GV chia lớp thành 4 nhóm (hoặc 8 nhóm tùy sĩ số) yêu cầu các nhóm quan sát **mục I.** (SGK/trang 14), khai thác SGK, dựa vào kiến thức đã học, hiểu biết thực tế, hoàn thành phiếu học tập của các nhóm theo các nội dung:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổ chức Quốc tế và khu vực | Tôn chỉ hoạt động | Số thành viên | Mục tiêu hoạt động. |
| Liên Hợp Quốc |  |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổ chức Quốc tế và khu vực | Tôn chỉ hoạt động | Số thành viên | Mục tiêu hoạt động. |
| Tổ chức thương mại Thế giới. |  |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổ chức Quốc tế và khu vực | Tôn chỉ hoạt động | Số thành viên | Mục tiêu hoạt động. |
| Quỹ tiến tệ Quốc tế |  |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổ chức Quốc tế và khu vực | Tôn chỉ hoạt động | Số thành viên | Mục tiêu hoạt động. |
| Diến đàn Hợp tác kinh tế châu Á-TBD. |  |  |  |

**- Bước 2:** HS các nhóm thực hiện nhiệm vụ, trao đổi với bạn bè để hoàn thành phiếu học tập trong thời gian 5 phút. GV quan sát và hỗ trợ HS.

**- Bước 3:** HS các nhóm báo cáo kết quả.

+ GV cho các nhóm bốc thăm lựa chọn nội dung trình bày.

+ GV gọi ngẫu nhiên học sinh lên trình bày nội dung vừa bốc thăm.

+ HS trao đổi và bổ sung từng nội dung.

**- Bước 4:** GV chuẩn kiến thức.

**- Bước 5:** GV đặt thêm câu hỏi để mở rộng thêm vấn đề cho học sinh” *Liệt kê những lợi ích Việt Nam đạt được khi tham gia tổ chức WTO*” theo **kĩ thuật trình bày 1 phút**.

**- Bước 6:** HS làm việc cá nhân trong thời gian 2 phút.

**- Bước 7:** GV rút thăm ngẫu nhiên cá nhân trình bày, gọi ngẫu nhiên HS khác nhận xét. GV ghi nhanh các lợi ích lên bảng.

**- Bước 8:** GV chuẩn kiến thức cho học sinh.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tổ chức Quốc tế và khu vực** | **Tôn chỉ hoạt động** | **Số thành viên** | **Mục tiêu hoạt động.** |
| Liên Hợp Quốc | Đảm bảo một nền hòa bình và trật tự thế giới bền vững. | 193 (2021) | -Duy trì hòa bình an ninh Quốc tế.  -Thức đẩy quan hệ hữu nghị giữa các Quốc gia.  - Thực hiện hợp tác Quốc tế thông qua giải quyết các vấn đề. |
| Tổ chức Thương mại Thế giới. | Thiết lập và duy trì một nền thương mại toàn cầu tự do, thuận lợi và minh bạch. | 164 (2021) | -Thúc đẩy tăng trưởng thương mại hàng hóa và dịch vụ.  - Thúc đẩy phát triển các thể chế thị trường, giải quyết các bất đồng và tranh chấp thương mại.  - Nâng cao mức sống, tạo việc làm… |
| Quỹ tiền tệ Quốc tế | Thúc đẩy hợp tác tiền tệ , đảm bảo ổn định tài chính, tăng trưởng kinh tế bền vững. | 190 ( 2021) | -Thúc đẩy hợp tác tiền tệ Quốc tế, tăng trưởng KT…  - Đảm bảo ổn định hệ thống tiền tệ Quốc tế, hệ thống thanh toán toàn cầu… |
| Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á- Thái Bình Dương | Thúc đẩy tự do thương mại, đầu tư và mở cửa trong khu vực Châu Á- TBD. | 21 | -Giữ vững sự tăng trưởng và phát triển trong khu vực.  - Tăng cường hệ thống đa phương hóa.  - Phát huy tác động tích cực của sự phụ thuộc kinh tế lẫn nhau ngày càng tăng. |

# HOẠT ĐỘNG 2. TÌM HIỂU VỀ AN NINH TOÀN CẦU VÀ BẢO VỆ HÒA BÌNH TRÊN THẾ GIỚI.

## 1. Mục tiêu

-  Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay và khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.

- Đề xuất các giải pháp phát triển an ninh mạng toàn cầu và bảo vệ hòa bình trên thê giới.

## 2. Nội dung.

- Hoạt động nhóm

## 3. Sản phẩm.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | | |
| **Vấn đề môi trường** | **Vai trò.** | **Giải pháp .** |
| **1. An ninh lương thực.** | -Đảm bảo mọi người có quyền tiếp cận nguồn lương thực đầy đủ, an toàn.  - Là vấn đề trọng yếu của các Quốc gia.  - Góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và làm tiền đề ổn định chính trị xã hội. | - Cung cấp lương thực và cứu trợ nhân đạo cho những khu vực mất an ninh LT.  - Đẩy mạnh sản xuất lương thực.  - Nâng cao vai trò của các tổ chức quốc tế. |
| **2. An ninh năng lượng.** | - Đảm bảo đầy đủ năng lượng.  - Phục vụ nhu cầu của con người và các hoạt động KT\_XH. | - Đẩy mạnh tiết kiệm năng lượng, phát triển năng lượng tái tạo.  - Khai thác hợp lí các nguồn tài nguyên.  - Phối hợp giaỉ quyết các vấn đề về năng lượng.  - Tăng cường vai trò của các tổ chức Quốc tế. |
| **3. An ninh nguồn nước.** | - Đảm bảo số lượng, chất lượng nước phục vụ nhân dân.  - Đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động kinh tế.  - Đảm bảo được khả năng ứng phó hiệu quả với các thảm họa… | - Phối hơp, nghiên cứu thảo luận các giải pháp .  - Chủ động bảo vệ nguồn nước. |
| **4. An ninh mạng.** | - Đảm bảo hoạt động trên không gian mạng, không gây hại đến an ninh Quốc gia. | - Ban hành chiến lược an ninh mạng, luật an ninh mạng….  - Phối hợp chặt chẽ trong phòng chống tấn công mạng, tội phạm mạng. |

## 4. Tiến trình hoạt động

**- Bước 1:** GV chia lớp thành 8 nhóm, 2 cụm – mỗi cụm là 4 nhóm. 2 nhóm thảo luận chung một chủ đề.

GV hướng dẫn các nhóm căn cứ nội dung SGK, tư liệu đã chuẩn bị, thông tin Internet.., thảo luận là trình bày các đặc điểm và đưa ra những nhận xét cần thiết. *(cắt ngang các nội dung)*

+ Nhóm 1: An ninh lương thực

+ Nhóm 2: An ninh năng lượng

+ Nhóm 3: An ninh nguồn nước.

+ Nhóm 4: An ninh mạng.

**- Bước 2:** HS các nhóm thực hiện nhiệm vụ, trao đổi với bạn bè để hoàn thành phiếu học tập trong thời gian 5 phút. GV quan sát và hỗ trợ HS.

**- Bước 3:** HS các nhóm báo cáo kết quả.

+ GV cho các nhóm bốc thăm lựa chọn nội dung trình bày.

+ GV gọi ngẫu nhiên học sinh lên trình bày nội dung vừa bốc thăm.

+ HS trao đổi và bổ sung từng nội dung.

**- Bước 4:** GV chuẩn kiến thức.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | | |
| **Vấn đề môi trường** | **Vai trò.** | **Giải pháp .** |
| **1. An ninh lương thực.** |  |  |
| **2. An ninh năng lượng.** |  |  |
| **3. An ninh nguồn nước.** |  |  |
| **4. An ninh mạng.** |  |  |

**HOẠT ĐỘNG 3: SỰ CẦN THIẾT BẢO VỆ HÒA BÌNH TRÊN THẾ GIỚI.**

## 1. Mục tiêu

- Lay động lòng trắc ẩn, cảm xúc của HS

- Hình thành các kiến thức ban đầu về khu vực ***“Điểm nóng”*** của thế giới

- Rèn luyện kĩ năng quan sát và phân tích qua clip

## 2. Nội dung

- Đặt vấn đề. Hoạt động cả lớp.

- **Clip “Cho em tuổi thơ, cho em hòa bình”**

<https://www.youtube.com/watch?v=Lq6eOyTo5gc>

**3. Sản phẩm:**

Bộ các câu hỏi về cần thiết phải bảo vệ hòa bình trên thế giới.

? Hòa bình là gì?

? Vai trò của bảo vệ hòa bình?

?Biện pháp để bảo vệ hòa bình?

## 4. Tiến trình hoạt động

**- Bước 1:** Phát PHT/chiếu câu hỏi định hướng trước khi xem clip

*+ Vấn đề nào đang diễn ra qua phần trình bày của bé?*

*+ Vấn đề đó đang diễn ra ở đâu? Quốc gia nào? Khu vực nào?*

*+ Nguyên nhân do đâu mà vấn đề đó diễn ra?*

**- Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ trong 1 phút

**- Bước 3:** HS trình bày chia sẻ theo hình thức xung phong, nêu quan điểm bản thân, chia sẻ cảm xúc

**- Bước 4:** Hs nghiên cứu sgk và trả lời nhanh các câu hỏi.

? Hòa bình là gì?

? Vai trò của bảo vệ hòa bình?

?Biện pháp để bảo vệ hòa bình?

**- Bước 5**: GV cung cấp sự cẩn thiết phải bảo vệ hòa bình trên thế giới.

**C.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**THIẾT KẾ KHẨU HIỆU TUYÊN TRUYỀN (10 phút)**

**1. Mục tiêu**

**-**Thiết kế khẩu hiệu phản ánh nội dung nhóm đã thảo luận và trình bày.

- Phát triển kĩ năng làm việc nhóm, hợp tác và ngôn ngữ

- Hình thành thái độ làm việc trách nhiệm, chuyên nghiệp và nâng cao nhận thức về môi trường

**2. Nội dung**

- Hoạt động nhóm

**3. Sản phẩm:**

**- Các khẩu hiệu về An ninh toàn cầu và bảo vệ hòa bình trên thế giới.**

**4. Tiến trình hoạt động:**

Bước 1: HS nêu yêu cầu và tiêu chí đánh giá

* *Thiết kế khẩu hiệu tuyên truyền*
* *Có hình ảnh/incon nhằm tăng hiệu ứng*
* *Khẩu hiệu có vần điệu, dài không quá 20 tiếng*
* *Thiết kế trên 1 mặt giấy A4*
* *Nhóm đọc to đồng thanh sau khi thuyết trình 30s*

**Bước 2:** HS nhận nhiệm vụ thiết kế, tập dượt

Bước 3: HS từng nhóm lên hoặc đứng tại chỗ thuyết trình trong 30s nhằm giới thiệu thông điệp và đọc đồng thanh

**Bước 4:** GV cho HS đánh giá sản phẩm qua menti.com hoặc cho biểu quyết bình chọn.

Bước 5 GV đánh giá chung, khen ngợi nhóm làm việc

### D. VẬN DỤNG.

*(Có thể về nhà hoàn thành)*

**1. Mục tiêu**

- Kiến thức: Phân tích được vai trò của các tổ chức WTO, APEC tới sự phát triển kinh tế của VN

- Kĩ năng: giải quyết vấn đề.

**2. Nội dung:** hoạt động nhóm

**3. Sản phẩm:**

**3. Tiến trình hoạt động:**

**- Bước 1:** GV yêu cầu HS trả lời nội dung:

+ Liệt kê những vai trò của WTO, APEC đến sự thay đổi của nền KT Việt Nam?

++ Trách nhiệm của HS với xây dựng đất nước trong thời kì hội nhập là gì?

**- Bước 2:** HS nhận nhiệm vụ, HS trao đổi và phát biểu nhanh ý kiến.

**- Bước 3:** GV nhận xét.

|  |
| --- |
| - Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới, mở rộng qua hệ hợp tác với các nước trên thế giới  - Nước ta đã bình thường hóa quan hệ với Hoa Kì  - Đã tham gia và các tổ chức liên kết khu vực và quốc tế  - Thu hút đầu tư nước ngoài  - Ngoại thương phát triển ở tầm cao mới  - Hợp tác quốc tế trong nhiều lĩnh vực |

**- Bước 4:** Đọc bài 1, trang 19 Sgk ở nhà.

# V. RÚT KINH NGHIỆM

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

|  |
| --- |
|  |

**Ngày soạn: 23/9/2024. Tiết PPCT:8**

**BÀI 5. THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO VỀ ĐẶC ĐIỂM VÀ BIỂU HIỆN CỦA NỀN KINH TẾ TRI THỨC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực hình thành**

a. Năng lực Địa lí

*- Nhận thức khoa học Địa Lí*

- Thu thập tài liệu về nền kinh tế tri thức

- Trao đổi, thảo luận và viết được báo cáo tìm hiểu về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.

*- Năng lực tìm hiểu Địa Lí:* xử lí thông tin qua bảng biểu, đọc bản đồ - tranh ảnh, tổng hơp tư duy theo lãnh thổ, liên hệ thực tế.

b. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.

+ Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

Thông qua trao đổi, thảo luận, hợp tác để phân biệt một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ, ứng dụng của GPS, bản đồ số trong học tập và đời sống.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlat, bản đồ…

**2. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên. Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Trung thực: trong học tập và cuộc sống.

- Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Có ý thức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:**

- Dụng cụ học tập để xử lí số liệu

- Thu thập tư liệu qua internet, sách, báo, tạp chí,.. để tìm hiểu thông tin về nền kinh tế tri thức

- So sánh, chọn lọc tư liệu thu thập được từ các nguồn khác nhau nhằm phục vụ nội dung báo cáo.

- Xây dựng đề cương báo cáo.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**

Tạo hứng thú, kích thích khả năng khám phá cho học sinh.

**b. Nội dung:** HS tham khảo các nội dung thông tin để nắm bắt được những đặc điểm về nền kinh tế tri thức

**c. Sản phẩm:** Khái quát những ý chính từ nội dung thông tin được chia sẻ

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia HS thành 6 nhóm (2 bàn 1 nhóm)

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

Kinh tế tri thức (tiếng anh: Knowledge Economy) là nền kinh tế phát triển dựa trên sức mạnh của tri thức để sử dụng hiệu quả các nguồn lực của kinh tế. Bao gồm các hoạt động chuyển giao, cải tiến, nghiên cứu các công nghệ với mục đích tạo ra nhiều của cải vật chất, nâng cao chất lượng sống của người dân.

Ngân hàng Thế giới đánh giá “Đối với các nền kinh tế tiên phong trong nền kinh tế Thế giới, cán cân giữa hai yếu tố tri thức và các nguồn lực đang nghiêng về tri thức.Tri thức thực sự đã trở thành yếu tố quan trọng nhất quyết định mức sống – hơn cả yếu tố đất đai, hơn cả yếu tố tư liệu sản xuất, hơn cả yếu tố lao động. Các nền kinh tế phát triển nhất về công nghệ ngày nay thực sự đã dựa vào tri thức”.

1. Tri thức là lực lượng sản xuất trực tiếp

Tri thức là nguồn lực quan trọng nhất, đóng vai trò đầu tàu trong nền kinh tế dựa vào tri thức. Tri thức phải được áp dụng vào sản xuất của cải vật chất, là động lực phát triển nền kinh tế. Chính vì vậy đòi hỏi lực lượng lao động có chất xám, kỹ thuật, tay nghề, được đào tạo bài bản ngày càng cao.

2. Nền kinh tế tri thức dựa trên khoa học công nghệ

Trong nền kinh tế công nghiệp thì sức cạnh tranh phần lớn dựa trên việc tối ưu hóa và hoàn thiện các công nghệ sẵn có. Thì, nền kinh tế tri thức phải dựa trên việc nghiên cứu, sáng tạo, chế tạo ra công nghệ mới.

3. Cơ cấu lao động chuyển dịch

Trong nền kinh tế tri thức thì lao động trí tuệ tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị càng cao trong thời gian càng ngắn. Cơ cấu lao động sẽ phải chuyển dịch từ lao động có trình độ thấp quen với công việc chân tay hoặc thiếu đổi mới sang lao động trí tuệ.

4. Coi trong quyền sở hữu trí tuệ

Trong nền kinh tế tri thức thì quyền sở hữu trí tuệ là sự đảm bảo pháp lý cho tri thức, từ đó sự sáng tạo mới được coi trọng, duy trì và tiếp tục sáng tạo. Năng lực đổi mới và nguồn lực trí tuệ được xem là yếu tố then chốt để nâng cao tính cạnh tranh, tiềm năng phát triển và sự thịnh vượng của một Quốc gia hoặc vùng lãnh thổ.

5. Nền kinh tế tri thức là nền kinh tế toàn cầu

Nền kinh tế tri thức chỉ được hình thành và phát triển thực sự khi lực lượng lao động có trình độ cao, phân công lao động mang tính quốc tế và hệ thông sản xuất kết nối giữa các doanh nghiệp đến từ nhiều quốc gia.

Các quốc gia sẽ luôn có gắng tạo ra các công dân toàn cầu, có thể làm việc ở bất cứ nước nào có cùng trình độ, cần đến kinh tế tri thức và tiến tới toàn cầu hóa thật sự.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Kinh tế sơ khai | Kinh tế công nghiệp | Kinh tế tri thức |
| Đầu vào của sản xuất | Lao động, đất đai, vốn | Lao động, đất đai, vốn, công nghệ thiết bị | Lao động, đất đai, vốn, công nghệ thiết bị, tri thức, thông tin |
| Đầu ra của sản xuất | Lương thực | Của cải, hàng hóa, tiêu dùng, xí nghiệp, nền công nghiệp | Sản phẩm công nghiệp với công nghệ hiện tại, tri thức, vốn tri thức |
| Cơ cấu xã hội | Nông dân | Công nhân | Công nhân tri thức |
| Tỉ lệ đóng góp của KHCN | <10% | >30% | >80% |
| Đầu tư cho giáo dục | <1%GDP | 2-4% GDP | 8-10% GDP |
| Tầm quang trọng của giáo dục | Nhỏ | Lớn | Rất lớn |

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV sẽ tổng kết, dẫn dắt vào bài.

**2.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1. Thực hành**

**a) Mục tiêu:** HS viết được báo cáo về đặc điểm biểu hiện của nền kinh tế tri thức

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **1. Thu thập thông tin**  - Thông tin SGK.  - Thông tin do GV cung cấp  - Thông tin do HS tự thu thập trên internet  **2. Đề xuất tên báo cáo**  **3. Viết dàn ý đại cương và chi tiết cho báo cáo**  Đề cương phải đảm bảo các ý chính sau:  \* Khái niệm: + Tri thức  + Nền kinh tế tri thức  \* Đặc điểm của nền kinh tế tri thức  \* Biểu hiện của nền kinh tế tri thức  **4. Viết toàn báo cáo**  **5. Trình bày trước lớp** |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Các nhóm xác định các nguồn thông tin có thể sử dụng để viết báo cáo.

+ Xác định tên báo cáo của mình: Tên báo cáo ngắn gọn, phù hợp với nội dung.

+ Các nhóm viết đề cương sau đó hoàn thiện.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

|  |
| --- |
| 1. Khái niệm  - Tri thức:  + Có nhiều định nghĩa về tri thức, theo Becerra tri thức là “sự giải mã về một mối quan hệ giữa các khái niệm có liên quan đến những lĩnh vực cụ thể, tri thức là tài sản vô giá và là nền tảng lợi thế cạnh tranh của một tổ chức.  + Theo định nghĩa của World Bank, kinh tế tri thức là: “nền kinh tế dựa vào tri thức như động lực chính cho sự tăng trưởng kinh tế”  - Nền kinh tế tri thức là nền kinh tế sử dụng hiệu quả tri thức cho sự phát triển kinh tế - xã hội.  2.Đặc điểm của nền kinh tế tri thức  - Tri thức là lực lượng sản xuất trực tiếp, là nguồn vốn cơ bản có vai trò quyết định của sản xuất  - Sản xuất công nghệ là hình thức sản xuất quan trọng nhất, tiêu biểu nhất  - Lao động tri thức chiếm tỉ trọng cao trong sản xuất  - Kinh tế tri thức là hệ quả tất yếu của toàn cầu hóa  3. Biểu hiện nền kinh tế tri thức  + Hoạt động sản xuất kinh doanh nhờ áp dụng nguyên liệu và năng lượng tự nhiên nên tạo ra những sản phẩm sạch và không gây ô nhiễm môi trường. Từ đó tạo tiền đề phát triển bền vững.  + Sản xuất sản phẩm theo nhu cầu tiêu dùng, luôn luôn có sự cân bằng giữa cung và cầu, hạn chế hàng tồn kho.  + Cái mới luôn được sáng tạo liên tục chứ không phải từ cái cũ phát triển lên.  + Quá trình nghiên cứu, sáng tạo của con người luôn không ngừng được thực đẩy, phát triển ra kĩ thuật công nghệ hiện đại.  + Có sự ứng dụng công nghệ thực tế - ảo trong các hoạt động như học tập, thiết kế, xây dựng, kiến trúc, thực nghiệm khoa học,... giúp tiết kiệm được thời gian, công sức và tiền bạc, đồng thời nâng cao năng suất lao động. |

**Hoạt động 3. Viết báo cáo**

**a. Nội dung**

- Xây dựng đề cương chi tiết.

- Viết báo cáo theo đề cương

**b. Sản phẩm**

- Báo cáo hoàn chỉnh về đặc điểm và biểu hiện của nền kinh tế tri thức

(Ưu tiên báo cáo bằng word, Powerpoint)

- Trình bày báo cáo

**c. Tổ chức thực hiện:** GV gọi 1 số HS đọc báo cáo tại lớp để cùng thảo luận, nhận xét. Các bài khác, GV thu về chấm

**4. Củng cố, dặn dò**

GV củng cố bài học nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

**5. Hướng dẫn về nhà**

Chuẩn bị bài mới.

|  |
| --- |
|  |